TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC TÂN UYÊN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:10/2022/QĐST-HNGĐ	*Bắc Tân Uyên, ngày 09 tháng 02 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 08/2022/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 01 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện B, tỉnh D.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện B, tỉnh D.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 01 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 01 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Các đương sự có hai con chung tên Nguyễn Anh T2 sinh ngày 04/10/2009 và Nguyễn Ngọc T3, sinh ngày 15/10/2011. Bà Nguyễn Thị T thỏa thuận để ông Nguyễn Văn T1 được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung, ông Nguyễn Văn T1 không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T1 đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi có đơn yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0009823, ngày 21/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Trả lại cho bà T số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh D;
- VKSND tỉnh D;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- UBND xã Đ;
- Lưu: HSVA, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Mạnh Hùng